TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1078/2025/DS-ST
Ngày: 26 tháng 9 năm 2025
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Cư

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2025/TLST–DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Ngân hàng S);
Địa chỉ trụ sở: A1-A2 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ liên lạc: A3 đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T. D– Chức vụ: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn H. H, sinh năm 1996 hoặc ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993 (theo Giấy ủy quyền số 4087/2025/UQ-TGĐ ngày 14/3/2025) (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Kim N1, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ thường trú: B1/B đường T, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ cư trú: C2 chung cư C1, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/3/2025, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Ngân hàng S) trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S (Ngân hàng S) cấp tín dụng cho bà Nguyễn Kim N1 căn cứ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/8/2022 (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Loại thẻ (thẻ VS pay Wave Cre Classic), chi

tiết như sau: Số tiền cho vay: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Mục đích cho vay: Tiêu dùng; Lãi suất trong hạn 2,77%/tháng; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn nhân số tiền nợ quá hạn; Phương thức giải ngân: Kích hoạt thẻ tín dụng số tài khoản 3033640685 của bà N1.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà N1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 249.503.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay bà N1 đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền là 201.513.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà N1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) ngày 11/6/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Tính đến ngày 05/02/2025 bà N1 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc 58.407.863 đồng; lãi quá hạn:48.951.468 đồng. Tổng cộng 107.359.331 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Ngân hàng S khởi kiện, yêu cầu giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Kim N1 trả ngay cho Ngân hàng S tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 05/02/2025 là 107.359.331 đồng, trong đó: Nợ gốc 58.407.863 đồng, lãi quá hạn: 48.951.468 đồng.

Bà Nguyễn Kim N1 còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 06/02/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N1 đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên toà sơ thẩm,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xác định số nợ hiện nay bà Nguyễn Kim N1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng S tính đến ngày 26/9/2025 là 126.180.605đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm tám mươi nghìn, sáu trăm lẻ năm đồng), trong đó nợ gốc là 58.407.863 đồng, lãi quá hạn là 67.772.742 đồng. Ngoài ra, bà N1 còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/8/2022 (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Kim N1 phải có trách nhiệm thanh toán ngay cho Ngân hàng S số tiền còn nợ tính đến ngày 26/9/2025 là 126.180.605 đồng, (trong đó nợ gốc là 58.407.863 đồng, lãi quá hạn là 67.772.742 đồng). Ngoài ra, bà Nguyễn Kim N1 còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo Hợp đồng sử

dụng thẻ tín dụng ngày 16/8/2022 (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Án phí bị đơn chịu theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là Ngân hàng S khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Kim N1 trả tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/8/2022 (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Trên Hợp đồng cấp tín dụng ghi địa chỉ bị đơn tại số B1/B đường T, Phường E, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số B1/B đường T, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Kết quả xác minh của Công an phường C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện; "*Công dân Nguyễn Kim N1, SN 17/11/1993 có đăng ký thường trú tại: B1/B đường T, KP A5, Phường C, TP. Hồ Chí Minh. Nhà đã bán hiện đang cư ngụ tại: C2 chung cư C1, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh*". Như vậy, bị đơn có nơi cư trú tại Phường E, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, Toà án xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là bà Nguyễn Kim N1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 (tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 03 tháng 9 năm 2025) và Quyết định hoãn phiên tòa số 202/2025/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2025 (tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 26 tháng 9 năm 2025) và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ cho bà Nguyễn Kim N1 các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Thông báo về việc thụ lý vụ án đã ghi rõ nội dung sự việc, yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, phía bị đơn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi về yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh và cung cấp chứng cứ của mình nên căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3.1] Ngân hàng Ngân hàng S đã ký kết với bà Nguyễn Kim N1 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/8/2022 (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và

bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), bà N1 được giải ngân ngày 18/8/2022. Đây là giao dịch dân sự trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên được thừa nhận, được bảo vệ và là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự.

[3.2] Theo tóm tắt sao kê trong khoảng thời gian từ 10/9/2022 đến ngày 26/9/2025 Ngân hàng S nộp cho Toà án có thể xác định bà Nguyễn Kim N1 đã bắt đầu thanh toán khoản vay từ ngày 10/10/2022, các giao dịch được thực hiện từ ngày 10/9/2022 đến 10/02/2023, lần cuối bà Nguyễn Kim N1 chủ động thanh toán cho Ngân hàng S là ngày 10/3/2023.

[3.3] Do bà Nguyễn Kim N1 nhiền lần không thanh toán tiền vay đúng theo thỏa thuận trong Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 11/6/2023, Ngân hàng S chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất 150% lãi suất trong hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất là 2.77%/ tháng trên số tiền nợ quá hạn này nhân 150%, cụ thể: Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 58.407.863 đồng với lãi suất quá hạn là 4.149% / tháng (2.77% * 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại, phù hợp điểm b khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm c khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Bị đơn không có mặt tại Tòa án để trình bày lời khai hoặc nêu ý kiến về các khoản đã thanh toán; về tiền gốc, tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu được xem là bị đơn đã từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh cho mình. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S đối với số nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng S yêu cầu bị đơn phải trả.

[3.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu về thanh toán nợ của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Kim N1 phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2025 là 126.180.605 đồng (trong đó: Nợ gốc là 58.407.863 đồng; lãi quá hạn là 67.772.742 đồng) theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/8/2022 (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/8/2022 (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Do từ ngày 10/3/2022, bà Nguyễn Kim N1 đã không thanh toán bất kì khoản tiền nào cho Ngân hàng S, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng S nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng S, cần buộc bà Nguyễn Kim N1 thanh toán các khoản nợ làm một lần cho Ngân hàng S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng S được chấp nhận nên bị đơn là bà Nguyễn Kim N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là Ngân hàng S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Điều 157; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 295, Điều 298, Điều 299; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 13, Điều 20 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S:

1.1. Buộc bà Nguyễn Kim N1 phải trả ngay một lần cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ tính đến ngày 26/9/2025 là: nợ gốc 58.407.863 đồng; lãi quá hạn là 67.772.742 đồng. Tổng cộng 126.180.605 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm tám mươi nghìn, sáu trăm lẻ năm đồng) theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 16/8/2022 (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện hoặc tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Kim N1 chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.309.030 đồng (Sáu triệu, ba trăm lẻ chín nghìn, không trăm ba mươi đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 2.683.984 (Hai triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0061383 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDKV3, Tp.HCM;
- Cơ quan THADS,Tp.HCM.
- Lưu: VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Chi